

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX
VIETNAM NATIONAL CHEMICAL GROUP
LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Số: 05/2025/CBTT-HĐQT

No: 05/2025/CBTT-HĐQT

V/v CBTT Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024
đã được kiểm toán

*Re: Disclosure of the Audited Combined Financial
Statements for the Year Ended 2024*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Ho Chi Minh City, 27 February 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: - *The State Securities Commission of Vietnam;*
- *The Vietnam Exchange;*
- *The Ho Chi Minh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

Name of organization: LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: LIX

Stock code: LIX

- Địa chỉ: Số 3 đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM, VN

Address: No.3, Street no. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ: 028.38966803

Telephone: 028.38966803

2. Nội dung thông tin công bố:

Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Bột giặt LIX xin trân trọng thông báo toàn văn Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán.

Lix Detergent Joint Stock Company respectfully announces that the audited Combined Financial Statements for the year 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/02/2025 tại đường dẫn www.lixco.com.

This information was published on the website of Lix Detergent Joint Stock Company on February 27, 2025, at the following link: www.lixco.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức

Người Ủy quyền Công bố Thông tin

Representative of the organization

Persons Authorized to Disclose Information



Lê Đình Vỹ

Tài liệu đính kèm/ Attached document:

- Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán
- *The audited Combined Financial Statements for the year 2024.*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 39
8. Phụ lục	40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bột giặt Lix hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301444263, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 10 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 150/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LIX.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 648.000.000.000 VND.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-28) 38.966.803
- Fax : (84-28) 38.967.522
- Website : www.lixco.com

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Bắc Ninh	Lô II – 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	LD-02.05, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm; Sản xuất các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì. Kinh doanh xuất nhập khẩu (trừ xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối); Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cao Thành Tín	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Bùi Công Thân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Vỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Hà Phước Dư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022



Phòng kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Người phụ trách Kiểm toán nội bộ của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là ông Đào Châu Minh Khang (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2024).

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Trương Thị Trâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Cao Thành Tín	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2023
Ông Bùi Công Thân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là ông Cao Thành Tín - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2025



Số: 1.0168/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tung
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền



Phan Cao Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		918.555.014.948	824.478.273.899
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		373.276.791.759	269.584.941.284
1. Tiền	111	V.1	33.276.791.759	19.584.941.284
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	340.000.000.000	250.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		212.002.209.044	212.286.337.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	203.195.441.893	207.122.349.568
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.337.080.978	853.346.027
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4.469.686.173	4.310.642.138
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	230.963.578.690	241.123.963.921
1. Hàng tồn kho	141		230.963.578.690	241.123.963.921
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102.312.435.455	101.483.030.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	2.132.455.234	1.754.141.572
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		96.644.863.821	96.214.732.574
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	3.535.116.400	3.514.156.815
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

30047
CÔNG
CH NH
M TỐ
A
VH -

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		477.913.397.800	481.558.383.355
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		415.503.443.604	418.689.611.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	377.663.023.777	379.616.618.247
- Nguyên giá	222		824.004.016.667	772.022.360.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(446.340.992.890)	(392.405.742.267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	37.840.419.827	39.072.993.119
- Nguyên giá	228		54.389.873.118	54.389.873.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.549.453.291)	(15.316.879.999)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.003.258.609	1.099.437.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	2.003.258.609	1.099.437.888
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	55.000.000.000	55.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.406.695.587	6.769.334.101
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	2.636.220.642	4.590.707.464
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	2.770.474.945	2.178.626.637
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.396.468.412.748	1.306.036.657.254

9815
IG TY
EM HU
V VÀ T
& C
H

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		459.504.526.410	423.701.253.584
I. Nợ ngắn hạn	310		451.098.988.008	415.660.286.025
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	208.700.968.604	231.038.725.502
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	31.450.677.114	21.257.165.202
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	28.180.192.628	22.123.617.547
4. Phải trả người lao động	314	V.15	54.585.554.155	57.696.908.357
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13.852.374.726	10.893.133.186
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,c	45.340.088.072	8.914.250.839
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	55.000.000.000	55.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	13.989.132.709	8.736.485.392
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.405.538.402	8.040.967.559
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b,c	8.405.538.402	8.040.967.559
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		936.963.886.338	882.335.403.670
1. Vốn chủ sở hữu	410		936.963.886.338	882.335.403.670
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	648.000.000.000	324.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		648.000.000.000	324.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	97.441.219.809	370.674.065.760
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	191.522.666.529	187.661.337.910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.408.799.178	187.661.337.910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		169.113.867.351	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.396.468.412.748	1.306.036.657.254


 Nguyễn Thị Yến Phương
 Người lập


 Phạm Thị Kim Hồng
 Kế toán trưởng


 Cao Thành Tín
 Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.009.025.905.833	2.891.076.118.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	132.082.441.759	90.517.105.991
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.876.943.464.074	2.800.559.012.009
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.260.576.913.731	2.187.835.898.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		616.366.550.343	612.723.113.922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	15.109.439.471	14.621.043.724
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.048.418.505	4.766.294.978
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.860.547.942	3.849.999.997
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	206.147.893.413	230.590.034.749
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	163.251.323.930	138.233.135.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		256.028.353.966	253.754.692.174
11. Thu nhập khác	31	VI.8	790.060.560	926.751.372
12. Chi phí khác	32	VI.9	264.735.427	8.638.375.645
13. Lợi nhuận khác	40		525.325.133	(7.711.624.273)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		256.553.679.099	246.043.067.901
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	55.631.660.056	54.630.834.001
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(591.848.308)	1.371.129.456
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		201.513.867.351	190.041.104.444
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.793	2.666
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.793	2.666


Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập


Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		256.553.679.099	246.043.067.901
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	58.048.623.757	56.897.274.503
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(23.477.794)	214.212.596
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.8, VI.9	(8.482.750.433)	(9.232.378.188)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	3.860.547.942	3.849.999.997
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		309.956.622.571	297.772.176.809
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		525.093.252	(24.148.031.572)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.160.385.231	37.364.252.981
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.999.564.821	29.574.461.766
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.576.173.160	(1.211.762.712)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(55.908.297.820)	(66.293.298.668)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(12.032.737.366)	(26.151.852.016)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		260.276.803.849	246.905.946.588
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, VII	(68.417.346.322)	(66.510.907.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7, VI.8	230.558.924	117.496.634
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.4	8.763.246.454	8.640.678.305
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.423.540.944)	(57.752.732.545)

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

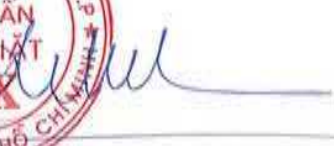
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.20	(97.200.000.000)	(113.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.200.000.000)	(113.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		103.653.262.905	75.753.214.043
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	269.584.941.284	193.849.654.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		38.587.570	(17.926.910)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	373.276.791.759	269.584.941.284

19816
NG T
IỆM H
IN VÀ
& C
TP. H
Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập
Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025


Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm; Sản xuất các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì. Kinh doanh xuất nhập khẩu (trừ xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối); Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Bắc Ninh	Lô II – 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	LD-02.05, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.153 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.145 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẤT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm tài sản và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bảo hiểm tài sản

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (45-50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Trụ sở chính đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.016.063.000	1.986.053.095
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.260.728.759	17.598.888.189
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	340.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	373.276.791.759	269.584.941.284

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	511.177.947
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	-	384.716.447
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	126.461.500
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	203.195.441.893	206.611.171.621
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	27.429.082.728	28.171.585.361
Công ty TNHH Sản xuất Hoàng Nam	11.327.225.000	8.620.891.250
Công ty Cổ phần Thương mại Bách hóa xanh	39.557.846.727	38.493.333.013
Toyota Tsusho Corporation	11.021.948.453	16.326.564.339
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	22.410.206.911	33.501.904.483
Công ty TNHH Nhựa Vô Song	23.458.720.725	12.623.300.000
Công ty TNHH Nhựa Vô Song - Chi nhánh Đồng Nai	-	3.000.000.000
Các khách hàng khác	67.990.411.349	65.873.593.175
Cộng	203.195.441.893	207.122.349.568

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Bắc Nam Việt	-	516.000.000
Công ty TNHH IDNV	180.000.000	180.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Hà Lê	-	128.200.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Lâm Đồng	1.126.481.000	-
Công ty TNHH Chế tạo máy Sáng tạo	750.277.778	-
Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Cơ khí Hoa Vinh	742.170.000	-
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Môi trường Thăng Long	647.552.200	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Song Hiệp Lợi	618.100.000	-
Các nhà cung cấp khác	272.500.000	29.146.027
Cộng	4.337.080.978	853.346.027

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	491.216.437	-	931.301.382	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	25.000.000	-	20.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.953.469.736	-	3.359.340.756	-
Cộng	4.469.686.173	-	4.310.642.138	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	782.243.865	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	142.880.499.501	-	142.069.788.167	-
Công cụ, dụng cụ	5.787.299.884	-	5.600.992.529	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.870.695.168	-	3.453.540.162	-
Thành phẩm	76.876.709.784	-	89.602.678.278	-
Hàng hóa	1.766.130.488	-	396.964.785	-
Cộng	230.963.578.690	-	241.123.963.921	-

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.674.676.746	836.051.320
Chi phí bảo hiểm tài sản	65.950.250	160.988.676
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	391.828.238	757.101.576
Cộng	2.132.455.234	1.754.141.572

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	231.861.000	2.712.890.109
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.404.359.642	1.877.817.355
Cộng	2.636.220.642	4.590.707.464

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	277.854.878.503	451.387.718.819	26.388.835.343	16.390.927.849	772.022.360.514
Mua trong năm	11.048.298.591	33.923.838.836	3.834.485.027	1.727.197.338	50.533.819.792
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.399.606.203	-	-	-	4.399.606.203
Thanh lý, nhượng bán	(58.840.000)	(1.107.632.000)	(1.583.809.524)	(201.488.318)	(2.951.769.842)
Số cuối năm	293.243.943.297	484.203.925.655	28.639.510.846	17.916.636.869	824.004.016.667
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	60.439.315.119	108.144.201.833	10.167.238.552	3.204.096.757	183.954.852.261
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	135.032.177.010	230.320.755.763	18.110.481.597	8.942.327.897	392.405.742.267
Khấu hao trong năm	16.006.845.802	36.173.791.871	2.695.570.187	1.939.842.605	56.816.050.465
Thanh lý, nhượng bán	(58.840.000)	(1.107.632.000)	(1.512.839.524)	(201.488.318)	(2.880.799.842)
Số cuối năm	150.980.182.812	265.386.915.634	19.293.212.260	10.680.682.184	446.340.992.890

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	142.822.701.493	221.066.963.056	8.278.353.746	7.448.599.952	379.616.618.247
Số cuối năm	142.263.760.485	218.817.010.021	9.346.298.586	7.235.954.685	377.663.023.777
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.261.691.300	128.181.818	54.389.873.118
Số cuối năm	54.261.691.300	128.181.818	54.389.873.118
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	48.181.818	48.181.818
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.243.250.155	73.629.844	15.316.879.999
Khấu hao trong năm	1.205.906.628	26.666.664	1.232.573.292
Số cuối năm	16.449.156.783	100.296.508	16.549.453.291
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	39.018.441.145	54.551.974	39.072.993.119
Số cuối năm	37.812.534.517	27.885.310	37.840.419.827
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.264.485.027	(1.264.485.027)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.099.437.888	5.553.426.924	(4.399.606.203)	(250.000.000)	2.003.258.609
Dự án nâng cấp nhà máy Lix chi nhánh Bắc Ninh	94.437.888	1.290.000.000	(1.384.437.888)	-	-
Dự án xưởng sản xuất và kho thành phẩm chi nhánh Bắc Ninh	665.000.000	280.000.000	-	-	945.000.000
Dự án cải tạo cổng chính chi nhánh Bắc Ninh	60.000.000	1.212.601.852	(1.012.000.000)	-	260.601.852
Dự án kho nguyên liệu, bao bì	250.000.000	-	-	(250.000.000)	-
Dự án cải tạo mở rộng cổng chính Lix Thủ Đức	30.000.000	449.886.535	(479.886.535)	-	-
Dự án lắp đặt bồn nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy	-	1.094.000.000	(1.094.000.000)	-	-
Các dự án khác	-	1.226.938.537	(429.281.780)	-	797.656.757
Cộng	1.099.437.888	6.817.911.951	(5.664.091.230)	(250.000.000)	2.003.258.609

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106872723 ngày 09 tháng 6 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico với giá trị phần vốn góp là 55.000.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án đầu tư, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp

Công ty đã dùng tổng số vốn thực góp tính theo mệnh giá vào vốn điều lệ của Công ty TNHH Xalivico tại từng thời điểm để đảm bảo cho khoản vay tại Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Xalivico.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.178.626.637	3.549.756.093
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	591.848.308	(1.371.129.456)
Số cuối năm	2.770.474.945	2.178.626.637

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.777.949.388	6.692.514.840
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	6.295.523.220	5.133.628.800
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	134.577.072	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	4.025.082.240	1.530.950.760
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	70.902.216	27.935.280
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	251.864.640	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	197.923.019.216	224.346.210.662
Công ty TNHH UIC Việt Nam	18.832.077.000	25.769.761.600
Gulf Polymers Distribution Company Fzco	6.678.009.360	14.145.738.750
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tico	5.707.768.000	15.322.806.400
Công ty TNHH Bao bì Nhựa Thành Phú	10.237.229.123	13.410.078.547
Công ty TNHH Công nghiệp Soft	18.425.015.400	8.611.905.500
Công ty TNHH Manuchar Việt Nam	12.378.037.248	13.872.263.185
Các nhà cung cấp khác	125.664.883.085	133.213.656.680
Cộng	208.700.968.604	231.038.725.502

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hadramout Al Wadi Trading Co., Ltd.	424.742.310	824.828.562
Chip Mong Group., Ltd.	11.061.104.534	448.630.211
Ajnsons Enterprises	23.177.705	500.911.950
Các khách hàng khác	19.941.652.565	19.482.794.479
Cộng	31.450.677.114	21.257.165.202

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Bột giặt, chất tẩy rửa lòng	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	256.553.679.099	246.043.067.901
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	32.497.754.368	44.596.307.292
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.893.133.186)	(17.748.780.469)
Thu nhập tính thuế	278.158.300.281	272.890.594.724
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	55.631.660.056	54.578.118.945
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	52.715.056
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.631.660.056	54.630.834.001

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Phải trả người lao động

Công ty sử dụng năng suất lao động tính theo tổng sản phẩm để xây dựng quỹ tiền lương năm 2024.

Số dư cuối năm là lương tháng 12 và tiền lương phải trả theo quỹ lương cho nhân viên.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ vận chuyển	3.797.702.298	2.854.100.116
Chi phí hỗ trợ tiếp thị	104.560.331	93.520.258
Thưởng đạt doanh số	2.311.370.334	789.710.311
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	297.860.160	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.340.881.603	7.155.802.501
Cộng	13.852.374.726	10.893.133.186

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	28.084.547.936	7.699.999.994
Tập đoàn Vingroup - Chi phí lãi vay	11.560.547.936	7.699.999.994
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Cổ tức phải trả	16.524.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	17.255.540.136	1.214.250.845
Kinh phí công đoàn	515.887.645	495.209.845
Cổ tức phải trả	15.876.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	863.652.491	719.041.000
Cộng	45.340.088.072	8.914.250.839

17b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (bên liên quan) để đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico - Công ty liên kết với lãi suất 07%/năm, thời hạn vay 03 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	5.849.628.908	7.131.953.873	(7.799.200.000)	5.182.382.781
Quỹ phúc lợi	2.886.856.484	10.153.430.810	(4.233.537.366)	8.806.749.928
Cộng	8.736.485.392	17.285.384.683	(12.032.737.366)	13.989.132.709

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	324.000.000.000	306.714.124.165	196.609.155.593	827.323.279.758
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	190.041.104.444	190.041.104.444
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(21.628.980.532)	(21.628.980.532)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển trong năm trước	-	63.959.941.595	(63.959.941.595)	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(113.400.000.000)	(113.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	324.000.000.000	370.674.065.760	187.661.337.910	882.335.403.670
Số dư đầu năm nay	324.000.000.000	370.674.065.760	187.661.337.910	882.335.403.670
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	324.000.000.000	(324.000.000.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	201.513.867.351	201.513.867.351
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(17.285.384.683)	(17.285.384.683)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	-	50.767.154.049	(50.767.154.049)	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(129.600.000.000)	(129.600.000.000)
Số dư cuối năm nay	648.000.000.000	97.441.219.809	191.522.666.529	936.963.886.338

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	330.480.000.000	165.240.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	317.520.000.000	158.760.000.000
Cộng	648.000.000.000	324.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.800.000	32.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.800.000	32.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	64.800.000	32.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.800.000	32.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	64.800.000	32.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	97.200.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	50.767.154.049
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.922.384.683
• Trích Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	363.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngoài ra, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

Công ty đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/2024/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 5 năm 2024, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 32.400.000 cổ phiếu, nguồn vốn thực hiện từ Quỹ đầu tư phát triển.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, Công ty đã gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Công văn số 25/2024/CV-HĐQT.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn số 4325/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu, theo đó Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công ty liên hệ với Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện các thủ tục về đăng ký, lưu ký và niêm yết cổ phiếu bổ sung theo quy định.

Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ lên 648.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2024, Công ty tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho các cổ đông với tỷ lệ là 5% (500 VND/cổ phiếu), ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 27 tháng 12 năm 2024 và ngày trả cổ tức là ngày 14 tháng 01 năm 2025.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

21a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	404.154,04	415.499,83
Euro (EUR)	3.517,82	3.516,31

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Trụ sở chính	719.357.115	719.357.115	Khách hàng đã rời khỏi địa điểm kinh doanh và không có khả năng thanh toán nợ
Chi nhánh Hà Nội	473.072.580	473.072.580	
Cộng	1.192.429.695	1.192.429.695	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	2.875.429.406.058	2.738.143.882.138
Doanh thu hoạt động khác	133.596.499.775	152.932.235.862
Cộng	3.009.025.905.833	2.891.076.118.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam		
Bán thành phẩm	-	12.796.800
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam		
Bán thành phẩm	-	349.742.224
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội		
Bán thành phẩm	709.639.140	1.325.520.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Bán thành phẩm	-	24.107.958
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Bán thành phẩm	307.412.480	286.540.120
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao		
Bán thành phẩm	-	81.817.600

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	130.298.420.093	88.842.825.837
Hàng bán bị trả lại	1.784.021.666	1.674.280.154
Cộng	132.082.441.759	90.517.105.991

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.136.797.668.067	2.050.236.725.529
Giá vốn hoạt động khác	123.779.245.664	137.599.172.558
Cộng	2.260.576.913.731	2.187.835.898.087

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.323.161.509	9.392.801.603
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	47.891.976	45.327.535
Lãi bán ngoại tệ	3.163.196.705	1.640.208.564
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.551.711.487	3.542.602.653
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23.477.794	-
Doanh thu tài chính khác	-	103.369
Cộng	15.109.439.471	14.621.043.724

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.860.547.942	3.849.999.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.187.870.563	702.082.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	214.212.596
Cộng	6.048.418.505	4.766.294.978

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	31.565.452.795	28.646.565.614
Chi phí vật liệu, đồ dùng	7.876.724.229	10.623.213.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.525.468.782	4.331.412.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.397.960.259	120.896.356.177
Các chi phí khác	34.782.287.348	66.092.487.257
Cộng	206.147.893.413	230.590.034.749

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	60.146.972.632	58.413.578.811
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	18.867.248.777	17.329.191.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.391.860.237	8.085.119.350
Thuế, phí và lệ phí	8.064.526.355	4.545.588.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.586.153.154	14.540.101.493
Các chi phí khác	46.194.562.775	35.319.555.324
Cộng	163.251.323.930	138.233.135.745

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	203.789.564	-
Thu nhập khác	586.270.996	926.751.372
Cộng	790.060.560	926.751.372

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	160.423.415
Chi phí thanh lý tài sản cố định	44.200.640	-
Các khoản nộp về thuế	36.178.378	8.463.087.699
Chi phí khác	184.356.409	14.864.531
Cộng	264.735.427	8.638.375.645

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	201.513.867.351	190.041.104.444
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(20.151.386.735)	(16.922.384.683)
Trích thưởng HĐQT, Ban điều hành	(363.000.000)	(363.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	180.999.480.616	172.755.719.761
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	64.800.000	64.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.793	2.666

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẤT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 5.268 VND xuống còn 2.666 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.937.866.653.795	1.872.177.277.722
Chi phí nhân công	255.557.091.083	245.731.180.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.048.623.757	56.897.274.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.798.427.412	145.825.333.089
Chi phí khác	104.745.309.078	121.944.009.513
Cộng	2.514.016.105.125	2.442.575.075.289

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	350.022.600	11.866.174.428
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	1.759.947.778	696.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công ty chỉ phát sinh giao dịch tạm ứng với thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 100.000.000 VND.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban điều hành			
Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch	440.555.555	84.000.000
Ông Cao Thành Tín	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	1.190.763.998	1.652.273.667
Ông Bùi Công Thân	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.040.952.002	1.629.977.901
Ông Lê Đình Vỹ	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.041.952.002	1.596.488.400
Ông Hà Phước Dư (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)	Thành viên	1.854.462.000	1.394.862.451
Ban kiểm soát			
Bà Trương Thị Trâm	Trưởng Ban	982.863.192	660.270.032
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	986.519.164	494.608.057
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên	201.444.444	24.000.000
Ban điều hành			
Bà Phạm Thị Kim Hồng	Kế toán trưởng	936.643.787	1.409.199.823
Ông Đào Châu Minh Khang	Trưởng phòng kiểm toán nội bộ	902.985.334	-
Cộng		9.579.141.478	8.945.680.331

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Cần Thơ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Xalivico	Công ty liên kết
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Liên quan với công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Chia cổ tức	66.096.000.000	57.834.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua nguyên vật liệu	42.734.023.200	37.561.269.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i> Mua nguyên vật liệu	25.149.365.000	30.818.726.000
<i>Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất</i> Mua nguyên vật liệu	1.287.784.000	828.374.000
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì</i> Mua nguyên vật liệu	1.140.171.200	913.004.000
<i>Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội</i> Mua vật tư	1.769.206.500	1.314.056.664
<i>Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần</i> Lãi vay	3.860.547.942	3.849.999.997

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.12, V.17 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty được bán ở thị trường nội địa và xuất khẩu (Cambodia, Nhật Bản, Thái Lan Philippines,...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	409.337.956.389	2.467.605.507.685	2.876.943.464.074
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.337.956.389	2.467.605.507.685	2.876.943.464.074
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.698.012.580	528.668.537.763	616.366.550.343
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(369.399.217.343)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			246.967.333.000
Doanh thu hoạt động tài chính			15.109.439.471
Chi phí tài chính			(6.048.418.505)
Thu nhập khác			790.060.560
Chi phí khác			(264.735.427)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(55.631.660.056)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			591.848.308
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			201.513.867.351

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			58.763.444.290
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			62.929.308.153
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	358.015.274.643	2.442.543.737.366	2.800.559.012.009
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	358.015.274.643	2.442.543.737.366	2.800.559.012.009
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	78.328.731.146	534.394.382.776	612.723.113.922
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(368.823.170.494)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			243.899.943.428
Doanh thu hoạt động tài chính			14.621.043.724
Chi phí tài chính			(4.766.294.978)
Thu nhập khác			926.751.372
Chi phí khác			(8.638.375.645)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(54.630.834.001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(1.371.129.456)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			190.041.104.444
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			72.908.185.504
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			60.537.811.707
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:			
	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	199.748.552.201	1.138.949.385.602	1.338.697.937.803
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			57.770.474.945
Tổng tài sản			1.396.468.412.748
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	66.475.828.760	379.039.564.941	445.515.393.701
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			13.989.132.709
Tổng nợ phải trả			459.504.526.410
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	168.872.083.803	1.079.985.946.814	1.248.858.030.617
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			57.178.626.637
Tổng tài sản			1.306.036.657.254
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	56.112.034.668	358.852.733.524	414.964.768.192
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8.736.485.392
Tổng nợ phải trả			423.701.253.584

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Bán thành phẩm.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực bán thành phẩm	2.743.348.435.048	2.647.626.776.147
Lĩnh vực hoạt động khác	133.595.029.026	152.932.235.862
Cộng	2.876.943.464.074	2.800.559.012.009

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực bán thành phẩm	56.034.678.799	68.926.833.290	1.276.533.563.671	1.180.660.699.271
Lĩnh vực hoạt động khác	2.728.765.491	3.981.352.214	62.164.374.132	68.197.331.346
Cộng	58.763.444.290	72.908.185.504	1.338.697.937.803	1.248.858.030.617

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	208.700.968.604	-	208.700.968.604
Vay và nợ	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	58.676.575.153	8.405.538.402	67.082.113.555
Cộng	322.377.543.757	8.405.538.402	330.783.082.159
Số đầu năm			
Phải trả người bán	231.038.725.502	-	231.038.725.502
Vay và nợ	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	19.312.174.180	8.040.967.559	27.353.141.739
Cộng	305.350.899.682	8.040.967.559	313.391.867.241

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu và mua máy móc thiết bị với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	404.154,04	3.517,82	415.499,83	3.516,31
Phải thu khách hàng	634.649,91	-	784.991,90	-
Phải trả người bán	(1.048.738,00)	-	(1.010.142,80)	-
Các khoản phải trả khác	(306.529,66)	(3.297,93)	(294.068,43)	(3.297,93)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(316.463,71)	219,89	(103.719,50)	218,38

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	373.276.791.759	-	269.584.941.284	-	373.276.791.759	269.584.941.284
Phải thu khách hàng	203.195.441.893	-	207.122.349.568	-	203.195.441.893	207.122.349.568
Các khoản phải thu khác	4.469.686.173	-	4.310.642.138	-	4.469.686.173	4.310.642.138
Cộng	580.941.919.825	-	481.017.932.990	-	580.941.919.825	481.017.932.990

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	208.700.968.604	231.038.725.502	208.700.968.604	231.038.725.502
Vay và nợ	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	67.082.113.555	27.353.141.739	67.082.113.555	27.353.141.739
Cộng	330.783.082.159	313.391.867.241	330.783.082.159	313.391.867.241

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 02, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng



Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

C.T.P. HẠN VẤN CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 03, Đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số thuế được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	590.856.608	-	46.323.682.096	(42.963.062.073)	-	3.951.476.631	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	14.302.863.839	(14.302.863.839)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	75.506.813	(75.506.813)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.020.021.476	-	55.631.660.056	(55.908.297.820)	-	20.743.383.712	-
Thuế thu nhập cá nhân	117.760.869	2.597.642.017	8.868.055.324	(8.935.392.296)	(937.474.383)	50.423.897	3.535.116.400
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	120.744.149	(120.744.149)	-	-	-
Tiền thuê đất	-	916.514.798	6.190.650.817	(5.274.136.019)	-	-	-
Thuế nhà thầu	7.823.823	-	19.381.486	(25.360.624)	-	1.844.685	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	387.154.771	-	3.900.072.943	(854.164.011)	-	3.433.063.703	-
Cộng	22.123.617.547	3.514.156.815	135.438.617.523	(128.465.527.644)	(937.474.383)	28.180.192.628	3.535.116.400

Đơn vị tính: VND

Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập

Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

**COMBINED FINANCIAL
STATEMENTS**

FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

**LIX DETERGENT
JOINT STOCK COMPANY**

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Directors	2 - 4
3. Independent Auditor's Report	5
4. Combined Balance Sheet as of 31 December 2024	6 - 9
5. Combined Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Combined Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Combined Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 39
8. Appendix	40

STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of Lix Detergent Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) presents this statement together with the Combined Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Business highlights

Lix Detergent Joint Stock Company has been operating in accordance with the Business Registration Certificate No. 0301444263, registered for the first time on 30 September 2003 and amended for the 13th time on 30 July 2024, granted by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.

On 10 December 2009, the Company's stocks were officially listed in the Ho Chi Minh City Stock Exchange under stock code of LIX in line with the Decision No. 150/QĐ-SGDHCM dated 01 December 2009 of the Ho Chi Minh City Stock Exchange.

Charter capital as in the Business Registration Certificate is VND 648.000.000.000.

Head office

- Address : No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Tel. : (84-28) 38.966.803
- Fax : (84-28) 38.967.522
- Website : www.lixco.com

The Company has the following affiliates:

Affiliates	Address
Binh Duong Branch	A-6, A-12, Dai Dang Industrial Park, Phu Tan Ward, Tu Dau Mot City, Binh Duong Province.
Bac Ninh Branch	Lot II – 1.1, Que Vo 2 Industrial Park, Ngoc Xa Commune, Que Vo Town, Bac Ninh Province.
Representative office in Ho Chi Minh City	LD-02.05, Lexington Building, No. 67 Mai Chi Tho Street, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

Principal business activities of the Company as in the Business Registration Certificate are to manufacture synthetic cleansers and cosmetics; to manufacture and to trade chemicals of all kinds (except for high toxic chemicals) and packages; to trade import-export activities (except for export, import and distribution of goods in the list of goods that foreign investors and foreign-invested economic organizations are not allowed to exercise the right of export, import and distribution); to trade real estate (except for investment in construction of infrastructure of cemeteries and graveyards to transfer land use right attached to infrastructure).

Board of Management and Executive Board

The Board of Management and the Executive Board of the Company during the year and as of the date of this statement include:

The Board of Management

Full name	Position	Appointing/re-appointing date
Mr. Pham Quoc Dai	Chairman	Re-appointed on 28 April 2022
Mr. Cao Thanh Tin	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Mr. Bui Cong Than	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Mr. Le Dinh Vy	Member	Appointed on 28 April 2022
Mr. Ha Phuoc Du	Member	Appointed on 28 April 2022

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS (cont.)

Internal Audit Department under the Board of Management

The Company's person in charge of internal audit during the year and as of the date of this statement is Mr. Dao Chau Minh Khang (appointed on 01 March 2024).

The Supervisory Board

Full name	Position	Re-appointing date
Ms. Truong Thi Tram	Chief of the Board	Re-appointed on 28 April 2022
Ms. Nguyen Thi Thuy Van	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Ms. Pham Thi Huyen	Member	Re-appointed on 28 April 2022

The Board of Directors

Full name	Position	Re-appointing date
Mr. Cao Thanh Tin	General Director	Re-appointed on 15 February 2023
Mr. Bui Cong Than	Deputy General Director	Re-appointed on 16 April 2022
Mr. Le Dinh Vy	Deputy General Director	Re-appointed on 22 June 2021

Legal Representative

The Company's legal representative during the year and as of the date of this statement is Mr. Cao Thanh Tin – General Director (re-appointed on 15 February 2023).

Auditors

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Company's Combined Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Responsibilities of the Board of Directors

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation of the Combined Financial Statements to give a true and fair view of the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the year. In order to prepare these Combined Financial Statements, the Board of Directors must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Combined Financial Statements;
- prepare the Combined Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate;
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

The Board of Directors hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Directors is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Directors hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Combined Financial Statements.



Approval of the Financial Statements

The Board of Directors hereby approves the accompanying Combined Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as of 31 December 2024 of the Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended, in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Directors,



Cao Thanh Tin
General Director

Date: 20 February 2025



No. 1.0168/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND THE BOARD OF DIRECTORS
LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY**

We have audited the accompanying Combined Financial Statements of Lix Detergent Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 20 February (from page 06 to page 40), including the Combined Balance Sheet as of 31 December 2024, the Combined Income Statement, the Combined Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Combined Financial Statements.

Responsibility of the Board of Directors

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation, true and fair presentation of these Combined Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Combined Financial Statements; and responsible for such internal control as the Company's Board of Directors determines necessary to enable the preparation and presentation of the Combined Financial Statements to be free from material misstatements due to frauds or errors.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on these Combined Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Combined Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Combined Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Combined Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the Combined Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Combined Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of the Auditors

In our opinion, the Combined Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as of 31 December 2024 of Lix Detergent Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended, in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.



Ho Van Tung

Partner

Audit Practice Registration Certificate No. 0092-2023-008-1

Authorized Signatory

Phan Cao Huyen

Auditor

Audit Practice Registration Certificate No. 3523-2021-008-1

Ho Chi Minh City, 20 February 2025

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		918.555.014.948	824.478.273.899
I. Cash and cash equivalents	110		373.276.791.759	269.584.941.284
1. Cash	111	V.1	33.276.791.759	19.584.941.284
2. Cash equivalents	112	V.1	340.000.000.000	250.000.000.000
II. Short-term financial investments	120		-	-
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for devaluation of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		-	-
III. Short-term receivables	130		212.002.209.044	212.286.337.733
1. Short-term trade receivables	131	V.2	203.195.441.893	207.122.349.568
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.3	4.337.080.978	853.346.027
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables according to the progress of construction contract	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.4	4.469.686.173	4.310.642.138
7. Allowance for short-term doubtful debts	137		-	-
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140	V.5	230.963.578.690	241.123.963.921
1. Inventories	141		230.963.578.690	241.123.963.921
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		102.312.435.455	101.483.030.961
1. Short-term prepaid expenses	151	V.6a	2.132.455.234	1.754.141.572
2. Deductible VAT	152		96.644.863.821	96.214.732.574
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.14	3.535.116.400	3.514.156.815
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B- NON-CURRENT ASSETS	200		477,913,397,800	481,558,383,355
I. Long-term receivables	210		-	-
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216		-	-
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		415,503,443,604	418,689,611,366
1. Tangible fixed assets	221	V.7	377,663,023,777	379,616,618,247
- Historical cost	222		824,004,016,667	772,022,360,514
- Accumulated depreciation	223		(446,340,992,890)	(392,405,742,267)
2. Financial leased assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.8	37,840,419,827	39,072,993,119
- Initial cost	228		54,389,873,118	54,389,873,118
- Accumulated amortization	229		(16,549,453,291)	(15,316,879,999)
III. Investment property	230		-	-
- Historical costs	231		-	-
- Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in process	240		2,003,258,609	1,099,437,888
1. Long-term work in process	241		-	-
2. Construction-in-progress	242	V.9	2,003,258,609	1,099,437,888
V. Long-term financial investments	250		55,000,000,000	55,000,000,000
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.10	55,000,000,000	55,000,000,000
3. Investments in other entities	253		-	-
4. Provisions for devaluation of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		5,406,695,587	6,769,334,101
1. Long-term prepaid expenses	261	V.6b	2,636,220,642	4,590,707,464
2. Deferred income tax assets	262	V.11	2,770,474,945	2,178,626,637
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		1,396,468,412,748	1,306,036,657,254

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		459.504.526.410	423.701.253.584
I. Current liabilities	310		451.098.988.008	415.660.286.025
1. Short-term trade payables	311	V.12	208.700.968.604	231.038.725.502
2. Short-term advances from customers	312	V.13	31.450.677.114	21.257.165.202
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.14	28.180.192.628	22.123.617.547
4. Payables to employees	314	V.15	54.585.554.155	57.696.908.357
5. Short-term accrued expenses	315	V.16	13.852.374.726	10.893.133.186
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables according to the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.17a,c	45.340.088.072	8.914.250.839
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.18	55.000.000.000	55.000.000.000
11. Provisions for short-term payables	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.19	13.989.132.709	8.736.485.392
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		8.405.538.402	8.040.967.559
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.17b,c	8.405.538.402	8.040.967.559
8. Long-term borrowings and financial leases	338		-	-
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liability	341		-	-
12. Provisions for long-term payables	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-



LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		936.963.886.338	882.335.403.670
1. Owner's equity	410		936.963.886.338	882.335.403.670
1. Owner's capital	411	V.20	648.000.000.000	324.000.000.000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		648.000.000.000	324.000.000.000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		-	-
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury stocks	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418	V.20	97.441.219.809	370.674.065.760
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421	V.20	191.522.666.529	187.661.337.910
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		22.408.799.178	187.661.337.910
- Retained earnings of the current period	421b		169.113.867.351	-
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		1.396.468.412.748	1.306.036.657.254



Nguyen Thi Yen Phuong
Preparer



Pham Thi Kim Hong
Chief Accountant



Ho Chi Minh City, 20 February 2025

Cao Thanh Tin
General Director

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of goods and provisions of services	01	VI.1	3.009.025.905.833	2.891.076.118.000
2. Revenue deductions	02	VI.2	132.082.441.759	90.517.105.991
3. Net revenue	10		2.876.943.464.074	2.800.559.012.009
4. Cost of sales	11	VI.3	2.260.576.913.731	2.187.835.898.087
5. Gross profit	20		616.366.550.343	612.723.113.922
6. Financial income	21	VI.4	15.109.439.471	14.621.043.724
7. Financial expenses	22	VI.5	6.048.418.505	4.766.294.978
In which: Loan interest expenses	23		3.860.547.942	3.849.999.997
8. Selling expenses	25	VI.6	206.147.893.413	230.590.034.749
9. General and administration expenses	26	VI.7	163.251.323.930	138.233.135.745
10. Net operating profit	30		256.028.353.966	253.754.692.174
11. Other income	31	VI.8	790.060.560	926.751.372
12. Other expenses	32	VI.9	264.735.427	8.638.375.645
13. Other profit/(loss)	40		525.325.133	(7.711.624.273)
14. Total accounting profit before tax	50		256.553.679.099	246.043.067.901
15. Current income tax	51	V.14	55.631.660.056	54.630.834.001
16. Deferred income tax	52	V.11	(591.848.308)	1.371.129.456
17. Profit after tax	60		201.513.867.351	190.041.104.444
18. Basic earnings per share	70	VI.10	2.793	2.666
19. Diluted earnings per share	71	VI.10	2.793	2.666



Nguyen Thi Yen Phuong
Preparer



Pham Thi Kim Hong
Chief Accountant



Ho Chi Minh City, 20 February 2025

Cao Thanh Tin
General Director

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		256,553,679,099	246,043,067,901
2. Adjustments				
- Depreciation/(amortization) of fixed assets and investment properties	02	V.7, V.8	58,048,623,757	56,897,274,503
- Provisions and allowances	03		-	-
- Exchange gain/(loss) due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.4, VI.5	(23,477,794)	214,212,596
- Gain/(loss) from investing activities	05	VI.4, VI.8, VI.9	(8,482,750,433)	(9,232,378,188)
- Interest expenses	06	VI.5	3,860,547,942	3,849,999,997
- Others	07		-	-
3. Operating profit before changes of working capital	08		309,956,622,571	297,772,176,809
- Increase/(decrease) of receivables	09		525,093,252	(24,148,031,572)
- Increase/(decrease) of inventories	10		10,160,385,231	37,364,252,981
- Increase/(decrease) of payables	11		5,999,564,821	29,574,461,766
- Increase/(decrease) of prepaid expenses	12		1,576,173,160	(1,211,762,712)
- Increase/(decrease) of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14	V.17, VI.5	-	-
- Corporate income tax paid	15	V.14	(55,908,297,820)	(66,293,298,668)
- Other cash inflows	16		-	-
- Other cash outflows	17	V.19	(12,032,737,366)	(26,151,852,016)
Net cash flows from operating activities	20		260,276,803,849	246,905,946,588
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21	V.7, V.9, VII	(68,417,346,322)	(66,510,907,484)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22	V.7, VI.8	230,558,924	117,496,634
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23		-	-
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		-	-
5. Investments in other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interest earned, dividends and profits received	27	V.4, VI.4	8,763,246,454	8,640,678,305
Net cash flows from investing activities	30		(59,423,540,944)	(57,752,732,545)

This statement should be read in conjunction with the Notes to the Combined Financial Statements

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

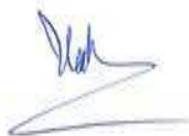
For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33		-	-
4. Repayment for loan principal	34		-	-
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profit paid to the owners	36	V.17, V.20	(97.200.000.000)	(113.400.000.000)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<i>(97.200.000.000)</i>	<i>(113.400.000.000)</i>
Net cash flows during the year	50		103.653.262.905	75.753.214.043
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	269.584.941.284	193.849.654.151
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		38.587.570	(17.926.910)
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	373.276.791.759	269.584.941.284



Nguyen Thi Yen Phuong
Preparer



Pham Thi Kim Hong
Chief Accountant



Ho Chi Minh City, 20 February 2025

Cao Thanh Tin
General Director

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION**1. Ownership form**

Lix Detergent Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint stock company.

2. Operating fields

Operating fields of the Company are industrial manufacturing and trading.

3. Principal business activities

Principal business activities of the Company are to manufacture synthetic cleansers and cosmetics; to manufacture and to trade chemicals of all kinds (except for high toxic chemicals) and packages; to trade import-export activities (except for export, import and distribution of goods in the list of goods that foreign investors and foreign-invested economic organizations are not allowed to exercise the right of export, import and distribution); to trade real estate (except for investment in construction of infrastructure of cemeteries and graveyards to transfer land use right attached to infrastructure).

4. Normal operating cycle

Normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Structure of the Company

Affiliates that are not legal entities and do accounting works dependently

Affiliates	Address
Binh Duong Branch	A-6, A-12, Dai Dang Industrial Park, Phu Tan Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province
Bac Ninh Branch	Lot II – 1.1, Que Vo 2 Industrial Park, Ngoc Xa Commune, Que Vo Town, Bac Ninh Province
Representative office in Ho Chi Minh City	LD-02.05, Lexington Building, No. 67 Mai Chi Tho Street, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

6. Headcount

As of the balance sheet date, the Company's headcount is 1,153 (headcount at the beginning of the year: 1,145).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY**1. Fiscal year**

The fiscal year of the Company is from 01 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because of transactions of the Company are primarily made in VND.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, and other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

2. Statement of the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, and other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Accounting convention

All the Combined Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Company's affiliates have their own accounting sections but cannot do the accounts recording independently. The Combined Financial Statements of the whole Company are prepared on the basis of the combination of the Financial Statements of the Company's affiliates. Revenue and balances among affiliates are excluded when the Combined Financial Statements are prepared.

2. Foreign currency transactions

Transactions in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The ending balances of monetary items in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date.

Foreign exchange differences arisen from foreign currency transactions during the year shall be included into financial income or financial expenses. Foreign exchange differences due to the revaluation of ending balances of the monetary items in foreign currencies after offsetting their positive differences against negative differences shall be included into financial income or financial expenses.

The exchange rate used to convert foreign currency transactions is the actual exchange rate ruling as at the time of these transactions. The actual exchange rates applied to foreign currency transactions are as follows:

- For the foreign currency trading contract (including spot contract, forward contract, future contract, option contract, currency swap): the exchange rate stipulated in the contracts of trading foreign currency between the Company and the Bank.
- For capital contribution made or received: the buying rate ruling as at the date of capital contribution of the bank where the Company opens its account to receive contributed capital.
- For receivables: the buying rate ruling as at the time of transactions of the commercial bank where the Company designates the customers to make payments.
- For payables: the selling rate ruling as at the time of transactions of the commercial bank where the Company supposes to make payment.
- For acquisition of assets or immediate payments in foreign currency (not included into payables): the buying rate of the commercial bank where the Company makes payments.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

The exchange rates used to re-evaluate the ending balances of monetary items in foreign currencies are determined according to the following principles:

- For foreign currency deposits: the buying rate of the bank where the Company opens its foreign currency account.
- For monetary items in foreign currencies classified as other assets: the buying rate of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), where the Company frequently conducts transactions.
- For monetary items in foreign currencies classified as liabilities: the selling rate of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), where the Company frequently conducts transactions.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Investments in associates

An associate is an entity which the Company has significant influence but not the control to govern the financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investments in associate are initially recognized at cost including the purchase cost or capital contributions plus other directly attributable transaction cost. In case of investment in non-monetary assets, the costs of the investment are recognized at the fair value of non-monetary assets at the arising time.

Dividends and profits incurred prior to the purchase of investments are deducted to the costs of such investments. Dividends and profit incurred after the purchase of investments are recorded into the Company's financial income. Particularly, the dividends paid in form of shares are not recorded as an increase in values, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in associate are made when the associate suffers from losses at the rate equal to the difference between the actual capital invested by investors in associate and the actual owner's equity multiplying by the Company's rate of capital contribution over the total actual capital invested by investors in associate. If the associate is consolidated into Consolidated Financial Statements, the basis for impairment provisions is the Consolidated Financial Statements.

Increases/(decreases) in the provisions for impairment of investments in associate as of the balance sheet date are recorded into financial expenses.

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Allowance is made for each doubtful debt on the basis of the ages of debts after offsetting against liabilities (if any) or estimated loss as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts overdue between 6 months and less than 1 year.
 - 50% of the value of debts overdue between 1 year and less than 2 years.
 - 70% of the value of debts overdue between 2 years and less than 3 years.
 - 100% of the value of debts overdue from 3 years or more.
- As for doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/(decreases) in the obligatory allowance for doubtful debts as of the balance sheet date are recorded into general and administration expenses.

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost or net realizable value.

Cost of inventories is determined as follows:

- For materials, merchandise and tools: Costs comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.
- Work-in-process: Costs only comprise costs of main materials.
- For finished goods: Costs comprise costs of materials, direct labor and directly relevant general manufacturing expenses allocated on the basis of normal operations.

Stock-out costs are determined in accordance with the weighted average method and recorded in line with the perpetual method.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Allowance for devaluation of inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable values. Increases/(decreases) in the obligatory allowance for devaluation of inventories as of the balance sheet date are recorded into costs of sales.

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Company include expenses of tools, asset insurance premiums and other expenses. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or period in which corresponding benefits are realized.

Tools

Expenses of tools being put into use are allocated into expenses in accordance with the straight-line method for the maximum period of 2 years.

Asset insurance premiums

Insurance premiums are allocated into expenses in accordance with the straight-line method for the maximum period of 3 years.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	05 - 25
Machinery and equipment	05 - 12
Vehicles	06 - 10
Office equipment	03 - 10

9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their initial costs less accumulated amortization.

Initial costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the year only if these costs are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its initial costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Company's intangible fixed assets include:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Company directly related to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for house removal, land clearance and ground leveling, registration fees, etc. The land use right is amortized according to the straight-line method in 50 years.

Land use right reflects the land rental that the Company paid once for many years, so it was granted the Land Use Right Certificate. This land use right is amortized over the land leasing period (i.e. 45-50 years).

Computer software

Expenses attributable to computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Company until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method in 3 years.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

10. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant loan interest expenses following the accounting policies of the Company) directly attributable to assets under construction, machinery and equipment under installation for purposes of production, leasing and management as well as the repair of fixed assets in progress. These assets are recorded at historical costs and not depreciated.

11. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded for the amounts payable in the future associated with the goods and services received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, of which the seller is an independent entity with the Company.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operation expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

Payables and accrued expenses are classified as short-term or long-term items in the Combined Balance Sheet on the basis of their remaining term as of the balance sheet date.

12. Owner's capital

The contributed capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

13. Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made with consideration toward non-cash items in the retained earnings that may affect cash flows and payment of dividends such as profit due to revaluation of assets contributed as investment capital.

Dividends are recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders and notification of dividend payment of the Board of Management.

14. Recognition of revenue and income

Revenue from sales of merchandise, finished goods

Revenue from sales of merchandise and finished goods shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The Company transfers most of risks and benefits incident to the ownership of merchandise or products to customers.
- The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the merchandise, products sold.
- The amount of revenue can be measured reliably. Where the contracts stipulate that buyer is entitled to return products or merchandise purchased under specific conditions, revenue is recorded only when those specific conditions are no longer exist and buyers retains no right to return merchandise, products (except for the case that such returns are in exchange for other merchandise or services).
- The Company received or shall probably receive the economic benefits associated with sale transactions.
- The cost incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Revenue from provisions of services

Revenue from provisions of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services rendered under specific conditions, revenue is recognized only when these specific conditions are no longer existed and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Company received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are provided in several accounting periods, the determination of revenue is done on the basis of the volume of work done as of the balance sheet date.

Revenue from processing service

Revenue from processing materials, goods is the actual amount received, exclusive of the value of materials and goods.

Interest

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

15. Revenue deductions

Revenue deductions include trade discounts, sales returns incurred in the same period of providing products, merchandise, in which revenue is derecognized.

In case of products, merchandise provided in the previous years but trade discounts, sales returns incurred in the current year, revenue is derecognized as follows:

- If trade discounts, sales returns incur prior to the release of the Combined Financial Statements, revenue is derecognized on the Combined Financial Statements of the current year.
- If trade discounts, sales returns incur after the release of the Combined Financial Statements, revenue is derecognized on the Combined Financial Statements of the following year.

16. Borrowing costs

Borrowing costs are interests and other costs that the Company directly incurs in connection with the borrowing.

Borrowing costs are recorded as an expense when it is incurred. In case the borrowing costs are directly attributable to the construction or the production of an asset in progress, which takes a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset, these costs will be included in the cost of that asset. To the extent that the borrowings are especially for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, the borrowing cost is eligible for capitalization even if construction period is under 12 months. Incomes arisen from provisional investments as loans are recognized as a decrease in the costs of relevant assets.

In the event that general borrowings are partly used for the acquisition, construction or production of an asset in progress, the costs eligible for capitalization will be determined by applying the capitalization rate to average accumulated expenditure on construction or production of that asset. The capitalization rate is computed at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the year, except for particular borrowings serving the purpose of obtaining a specific asset.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

17. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Company's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

18. Corporate income tax

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax

Current income tax is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the Financial Statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Carrying values of deferred corporate income tax assets are considered as of the balance sheet date and will be reduced to the rate that ensures enough taxable income against which the benefits from part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets, which have not been recorded before, are considered as of the balance sheet date and are recorded when there is certainly enough taxable income to use these unrecognized deferred corporate income tax assets.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rate to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the Income Statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity.

The Company shall offset deferred tax assets and deferred tax liabilities if:

- The Company has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are relevant to corporate income tax which is under the management of one tax authority either:
 - Of the same subject to corporate income tax; or
 - The Company has intention to pay current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis or recover tax assets and settle tax liability simultaneously in each future period to the extent that the majority of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are paid or recovered.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

19. Related parties

A party is considered a related party of the Company in case that party is able to control the Company or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Company. A party is also considered a related party of the Company in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

Considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

20. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

Segment information is prepared and presented in accordance with accounting policies applied to preparation and presentation of the Company's Combined Financial Statements.

21. Financial instruments

Financial assets

The classification of financial assets depends on their nature and purposes and is determined at the date of initial recognition. The financial assets of the Company include cash and cash equivalents, trade receivables and other receivables.

At the date of initial recognition, financial assets are recognized at original cost plus other costs directly attributable to those financial assets.

Financial liabilities

The classification of financial liabilities depends on their nature and purposes and is determined at the date of initial recognition. The financial liabilities of the Company include trade payables, borrowings and other payables.

At the date of initial recognition, financial liabilities are recorded at original cost less other costs directly attributable to those financial liabilities.

Offsetting financial instruments

Financial assets and financial liabilities will be offset against each other and reflected at their net values in the Balance Sheet when, and only when, the Company:

- has a legal right to offset the recognized amounts; and
- has intention either to settle on a net basis, or to recognize the asset and to settle the liability simultaneously.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	1.016.063.000	1.986.053.095
Demand deposits in banks	32.260.728.759	17.598.888.189
Cash equivalents (bank deposits of which the principal maturity is from 3 months or less)	340.000.000.000	250.000.000.000
Total	373.276.791.759	269.584.941.284

2. Short-term trade receivables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Receivables from related parties</i>	-	<i>511.177.947</i>
The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	-	384.716.447
Hanoi Soap Joint Stock Company	-	126.461.500
<i>Receivables from other customers</i>	<i>203.195.441.893</i>	<i>206.611.171.621</i>
Saigon Co.op	27.429.082.728	28.171.585.361
Hoang Nam Production Co., Ltd.	11.327.225.000	8.620.891.250
Bach Hoa Xanh Trading Joint Stock Company	39.557.846.727	38.493.333.013
Toyota Tsusho Corporation	11.021.948.453	16.326.564.339
Vincommerce General Commercial Services Joint Stock Company	22.410.206.911	33.501.904.483
Unique Plastics Co., Ltd.	23.458.720.725	12.623.300.000
Unique Plastics Co., Ltd.- Dong Nai Branch	-	3.000.000.000
Other customers	67.990.411.349	65.873.593.175
Total	203.195.441.893	207.122.349.568

3. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
Bac Nam Viet Development and Construction Investment Joint Stock Company	-	516.000.000
IDNV Company Limited	180.000.000	180.000.000
Ha Le Consultancy Company Limited	-	128.200.000
Vietnam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel – Lam Dong Branch	1.126.481.000	-
Sang Tao Machine Manufacturing Limited Company	750.277.778	-
Hoa Vinh Mechanical Import Export and Manufacture Company Limited	742.170.000	-
Thang Long Consultant and Transfer Environment Technology Company Limited	647.552.200	-
Song Hiep Loi Technology Trading Co., Ltd	618.100.000	-
Other suppliers	272.500.000	29.146.027
Total	4.337.080.978	853.346.027

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**4. Other short-term receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Savings deposit interest to be received	491.216.437	-	931.301.382	-
Short-term deposits	25.000.000	-	20.000.000	-
Other short-term receivables	3.953.469.736	-	3.359.340.756	-
Total	4.469.686.173	-	4.310.642.138	-

5. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Original costs	Allowance	Original costs	Allowance
Goods in transit	782.243.865	-	-	-
Materials and supplies	142.880.499.501	-	142.069.788.167	-
Tools	5.787.299.884	-	5.600.992.529	-
Work-in-process	2.870.695.168	-	3.453.540.162	-
Finished goods	76.876.709.784	-	89.602.678.278	-
Merchandise	1.766.130.488	-	396.964.785	-
Total	230.963.578.690	-	241.123.963.921	-

6. Prepaid expenses**6a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Tools	1.674.676.746	836.051.320
Asset insurance premiums	65.950.250	160.988.676
Other short-term prepaid expenses	391.828.238	757.101.576
Total	2.132.455.234	1.754.141.572

6b. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Tools	231.861.000	2.712.890.109
Other long-term prepaid expenses	2.404.359.642	1.877.817.355
Total	2.636.220.642	4.590.707.464

7. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Total
Historical costs					
Beginning balance	277.854.878.503	451.387.718.819	26.388.835.343	16.390.927.849	772.022.360.514
Acquisition during the year	11.048.298.591	33.923.838.836	3.834.485.027	1.727.197.338	50.533.819.792
Completed construction	4.399.606.203	-	-	-	4.399.606.203
Liquidation and disposal	(58.840.000)	(1.107.632.000)	(1.583.809.524)	(201.488.318)	(2.951.769.842)
Ending balance	293.243.943.297	484.203.925.655	28.639.510.846	17.916.636.869	824.004.016.667
<i>In which:</i>					
Assets fully depreciated but still in use	60.439.315.119	108.144.201.833	10.167.238.552	5.204.096.757	183.954.852.261
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-
Depreciation					
Beginning balance	135.032.177.010	230.320.755.763	18.110.481.597	8.942.327.897	392.405.742.267
Depreciation during the year	16.006.845.802	36.173.791.871	2.695.570.187	1.939.842.605	56.816.050.465
Liquidation and disposal	(58.840.000)	(1.107.632.000)	(1.512.839.524)	(201.488.318)	(2.880.799.842)
Ending balance	150.980.182.812	265.386.915.634	19.293.212.260	10.680.682.184	446.340.992.890

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Total
Net book values					
Beginning balance	142.822.701.493	221.066.963.056	8.278.353.746	7.448.599.952	379.616.618.247
Ending balance	142.263.760.485	218.817.010.021	9.346.298.586	7.235.954.685	377.663.023.777
In which:					
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-

8. Intangible fixed assets

	Land use right	Computer software	Total
Initial costs			
Beginning balance	54.261.691.300	128.181.818	54.389.873.118
Ending balance	54.261.691.300	128.181.818	54.389.873.118
In which:			
Assets fully amortized but still in use	-	48.181.818	48.181.818
Amortization			
Beginning balance	15.243.250.155	73.629.844	15.316.879.999
Amortization during the year	1.205.906.628	26.666.664	1.232.573.292
Ending balance	16.449.156.783	100.296.508	16.549.453.291
Net book values			
Beginning balance	39.018.441.145	54.551.974	39.072.993.119
Ending balance	37.812.534.517	27.885.310	37.840.419.827
In which:			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

9. Construction-in-progress

	Beginning balance	Increase during the year	Inclusion into fixed assets during the year	Other decreases	Ending balance
Acquisition of fixed assets	-	1.264.485.027	(1.264.485.027)	-	-
Construction-in-progress	1.099.437.888	5.553.426.924	(4.399.606.203)	(250.000.000)	2.003.258.609
Upgrading Lix plant in Bac Ninh Branch	94.437.888	1.290.000.000	(1.384.437.888)	-	-
Production workshop and finished goods warehouse in Bac Ninh Branch	665.000.000	280.000.000	-	-	945.000.000
Renovation of main gate of Bac Ninh Branch	60.000.000	1.212.601.852	(1.012.000.000)	-	260.601.852
Material and package warehouse	250.000.000	-	-	(250.000.000)	-
Renovation and expansion of main gate of Lix Thu Duc	30.000.000	449.886.535	(479.886.535)	-	-
Water tank installation for fire protection	-	1.094.000.000	(1.094.000.000)	-	-
Other projects	-	1.226.938.537	(429.281.780)	-	797.656.757
Total	1.099.437.888	6.817.911.951	(5.664.091.230)	(250.000.000)	2.003.258.609

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**10. Investments in joint ventures and associates**

This item reflects the investment in Xalivico Limited Liability Company.

According to the Business Registration Certificate No. 0106872723 dated 09 June 2015, amended for the 4th time on 15 July 2022, granted by Hanoi City Department of Planning and Investment, the Company invests in Xalivico Limited Liability Company an amount of VND 55,000,000,000, equivalent to 26% of charter capital. As of the balance sheet date, the Company fully contributed capital as in the Business Registration Certificate.

Fair value

The Company has not measured fair value of investments because there is no specific guidance on measurement of fair value.

Operations of the associate

The associate is still in the preparation stage of implementing investment projects with no major changes against the previous year.

Investments in other entities used as collaterals

The Company has used its actual capital investments on the basis of face value into the charter capital of Xalivico Limited Liability Company determined from time to time as collaterals to secure the loan from Vingroup Joint Stock Company.

Transactions with the associate

The Company has no transactions with Xalivico Limited Liability Company.

11. Deferred income tax assets

Deferred income tax assets are related to temporarily deductible differences. Details are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	2.178.626.637	3.549.756.093
Inclusion into operation results	591.848.308	(1.371.129.456)
Ending balance	2.770.474.945	2.178.626.637

The corporate income tax rate used for determining deferred income tax assets is 20%.

12. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to related parties</i>	10.777.949.388	6.692.514.840
South Chemicals Import-Export Joint Stock Company	6.295.523.220	5.133.628.800
Viet Tri Chemical Joint Stock Company	134.577.072	-
South Basic Chemicals Joint Stock Company	4.025.082.240	1.530.950.760
Hanoi Soap Joint Stock Company	70.902.216	27.935.280
Vietnam Chemicals Import and Export Joint Stock Company	251.864.640	-
<i>Payables to other suppliers</i>	197.923.019.216	224.346.210.662
UIC Vietnam	18.832.077.000	25.769.761.600
Gulf Polymers Distribution Company Fzco	6.678.009.360	14.145.738.750
Branch of Tico Joint Stock Company	5.707.768.000	15.322.806.400
Thanh Phu Plastic Packaging Company Limited	10.237.229.123	13.410.078.547
Soft Industry Corporation	18.425.015.400	8.611.905.500
Manuchar Vietnam Limited	12.378.037.248	13.872.263.185
Other suppliers	125.664.883.085	133.213.656.680
Total	208.700.968.604	231.038.725.502

The Company has no overdue trade payables.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

13. Short-term advances from customers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Hadramout Al Wadi Trading Co., Ltd.	424.742.310	824.828.562
Chip Mong Group., Ltd.	11.061.104.534	448.630.211
Ajnsons Enterprises	23.177.705	500.911.950
Other customers	19.941.652.565	19.482.794.479
Total	31.450.677.114	21.257.165.202

14. Taxes and other obligations to the State Budget

Increases/(decreases) of taxes and other obligations to the State Budget are presented in the attached Appendix.

Value added tax (VAT)

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rates applied are as follows:

- Exports	0%
- Detergent, liquid cleansers	10%

Export-import duties

The Company has declared and paid these duties in line with the Customs' notices.

Corporate income tax

The Company has to pay corporate income tax at the rate of 20% on taxable income.

Estimated corporate income tax payable during the year is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Total accounting profit before tax	256.553.679.099	246.043.067.901
Increases/(decreases) of accounting profit to determine profit subject to corporate income tax:		
- Increases	32.497.754.368	44.596.307.292
- Decreases	(10.893.133.186)	(17.748.780.469)
Taxable income	278.158.300.281	272.890.594.724
Corporate income tax rate	20%	20%
Corporate income tax payable at common tax rate	55.631.660.056	54.578.118.945
Adjustments of corporate income tax of the previous years	-	52.715.056
Corporate income tax payable	55.631.660.056	54.630.834.001

Determination of corporate income tax liability of the Company is based on currently applicable regulations on tax. Nonetheless, these tax regulations may change from time to time and tax regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Hence, the tax amounts presented in the Combined Financial Statements can be changed upon the inspection of tax authorities.

Land rental

Land rental is paid according to the notices of the tax department.

Other taxes

The Company has declared and paid other taxes in line with the regulations.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**15. Payables to employees**

The Company has set up the salary fund for the year 2024 on the basis of productivity over total output production.

The ending balance of this item includes the salary of December and salary payable under the salary fund to employees.

16. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Transportation support expenses	3.797.702.298	2.854.100.116
Marketing support expenses	104.560.331	93.520.258
Bonuses for meeting sales targets	2.311.370.334	789.710.311
Advertising, marketing expenses	297.860.160	-
Other short-term accrued expenses	7.340.881.603	7.155.802.501
Total	13.852.374.726	10.893.133.186

17. Other payables**17a. Other short-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>28.084.547.936</i>	<i>7.699.999.994</i>
Vingroup - Loan interest expenses	11.560.547.936	7.699.999.994
Vinachem - Dividends payable	16.524.000.000	-
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>17.255.540.136</i>	<i>1.214.250.845</i>
Trade Union's expenditures	515.887.645	495.209.845
Dividends payable	15.876.000.000	-
Other short-term payables	863.652.491	719.041.000
Total	45.340.088.072	8.914.250.839

17b. Other long-term payables

This item reflects long-term deposits received from customers.

17c. Overdue debts

The Company has no other overdue payables.

18. Short-term borrowings

This is the current portions of long-term loan from Vingroup Joint Stock Company (a related party) to invest in Xalivico Limited Liability Company (an associate) at the interest rate of 7%/year with the loan term of 3 years. The loan is secured by mortgaging the investment in this associate.

The Company is solvent over short-term loans.

19. Bonus and welfare funds

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increase due to appropriation from profit</u>	<u>Disbursement during the year</u>	<u>Ending balance</u>
Bonus fund	5.849.628.908	7.131.953.873	(7.799.200.000)	5.182.382.781
Welfare fund	2.886.856.484	10.153.430.810	(4.233.537.366)	8.806.749.928
Total	8.736.485.392	17.285.384.683	(12.032.737.366)	13.989.132.709

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**20. Owner's equity****20a. Statement of fluctuations in owner's equity**

	Owner's capital	Investment and development fund	Retained earnings	Total
Beginning balance of the previous year	324.000.000.000	306.714.124.165	196.609.155.593	827.323.279.758
Profit in the previous year	-	-	190.041.104.444	190.041.104.444
Appropriation for bonus and welfare funds in the previous year	-	-	(21.628.980.532)	(21.628.980.532)
Appropriation for investment and development fund in the previous year	-	63.959.941.595	(63.959.941.595)	-
Dividend distribution in the previous year	-	-	(113.400.000.000)	(113.400.000.000)
Ending balance of the previous year	324.000.000.000	370.674.065.760	187.661.337.910	882.335.403.670
Beginning balance of the current year	324.000.000.000	370.674.065.760	187.661.337.910	882.335.403.670
Capital increase from investment and development fund	324.000.000.000	(324.000.000.000)	-	-
Profit in the current year	-	-	201.513.867.351	201.513.867.351
Appropriation for bonus and welfare funds in the current year	-	-	(17.285.384.683)	(17.285.384.683)
Appropriation for investment and development fund in the current year	-	50.767.154.049	(50.767.154.049)	-
Dividend distribution in the current year	-	-	(129.600.000.000)	(129.600.000.000)
Ending balance of the current year	648.000.000.000	97.441.219.809	191.522.666.529	936.963.886.338

20b. Details of owner's capital

	Ending balance	Beginning balance
Capital of the State	330.480.000.000	165.240.000.000
Capital of other shareholders	317.520.000.000	158.760.000.000
Total	648.000.000.000	324.000.000.000

Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of shares registered to be issued	64.800.000	32.400.000
Number of shares sold to the public	64.800.000	32.400.000
- Common shares	64.800.000	32.400.000
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	64.800.000	32.400.000
- Common shares	64.800.000	32.400.000
- Preferred shares	-	-

Face value per outstanding share: VND 10.000.

20c. Profit distribution

During the year, the Company distributed 2023 profit in accordance with the Resolution No. 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated 26 April 2024 of 2024 Annual General Meeting of Shareholders as follows:

	Amount (VND)
• Dividend distribution to shareholders	97.200.000.000
• Appropriation for investment and development fund	50.767.154.049
• Appropriation for bonus and welfare funds	16.922.384.683
• Appropriation for bonus fund for the Executive Board	363.000.000

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Additionally, the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders approved the plan for issuance of shares to the existing shareholders to increase share capital from owner's equity.

The Company implemented the plan for issuance of shares to increase share capital according to the Resolution No. 15/2024/NQ-HDQT dated 08 May 2024 of the Board of Management. The number of shares expected to be additionally issued is 32.400.000 shares from the investment and development fund.

On 02 July 2024, the Company submitted the Report on results of the share issuance to the State Securities Commission of Vietnam according to Official Letter No. 25/2024/CV-HDQT.

On 12 July 2024, the Company received the Official Letter No. 4325/UBCK-QLCB of the State Securities Commission regarding the receipt of the Report on results of share issuance. The State Securities Commission of Vietnam accordingly requested the Company to contact Ho Chi Minh City Stock Exchange and Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation to carry out procedures for registration, depository and listing of additional shares as prescribed.

The Company was granted the 13th amended Business Registration Certificate dated 30 July 2024 regarding the increase in charter capital to VND 648.000.000.000.

According to the Resolution No. 33/2024/NQ-HDQT dated 13 December 2024 of the Board of Management, the Company advanced 2024 dividends in cash to the shareholders at the rate of 5% (VND 500/share). The closing date of the shareholder list is 27 December 2024, and the scheduled dividend payment date is 14 January 2025.

21. Off-Combined Balance Sheet items**21a. Foreign currencies**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
US Dollar (USD)	404.154,04	415.499,83
Euro (EUR)	3.517,82	3.516,31

21b. Treated doubtful debts

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>	Reasons for writing off
Head office	719.357.115	719.357.115	Customers have left their business location and declared to be insolvent
Hanoi Branch	473.072.580	473.072.580	
Total	1.192.429.695	1.192.429.695	

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of goods and provisions of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sales of finished goods	2.875.429.406.058	2.738.143.882.138
Revenue from other activities	133.596.499.775	152.932.235.862
Total	3.009.025.905.833	2.891.076.118.000

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**1b. Revenue from sales of goods and provisions of services to related parties**

During the year, the Company has sales of goods and service provisions to related parties as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>Dry Cell and Storage Battery Joint Stock Company</i>		
Sales of finished goods	-	12.796.800
<i>The Southern Rubber Industry Joint Stock Company</i>		
Sales of finished goods	-	349.742.224
<i>Hanoi Soap Joint Stock Company</i>		
Sales of finished goods	709.639.140	1.325.520.000
<i>South Chemicals Import-Export Joint Stock Company</i>		
Sales of finished goods	-	24.107.958
<i>South Basic Chemicals Joint Stock Company</i>		
Sales of finished goods	307.412.480	286.540.120
<i>Lam Thao Fertilizers and Chemicals Joint Stock Company</i>		
Sales of finished goods	-	81.817.600

2. Revenue deductions

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Trade discounts	130.298.420.093	88.842.825.837
Sales returns	1.784.021.666	1.674.280.154
Total	132.082.441.759	90.517.105.991

3. Costs of sales

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of finished goods sold	2.136.797.668.067	2.050.236.725.529
Costs of other activities	123.779.245.664	137.599.172.558
Total	2.260.576.913.731	2.187.835.898.087

4. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Term deposit interest	8.323.161.509	9.392.801.603
Demand deposit interest	47.891.976	45.327.535
Proceeds from the sale of foreign currencies	3.163.196.705	1.640.208.564
Exchange gain arising	3.551.711.487	3.542.602.653
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	23.477.794	-
Other financial income	-	103.369
Total	15.109.439.471	14.621.043.724

5. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Loan interest expenses	3.860.547.942	3.849.999.997
Exchange loss arising	2.187.870.563	702.082.385
Exchange losses due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	-	214.212.596
Total	6.048.418.505	4.766.294.978

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

6. Selling expenses

	Current year	Previous year
Expenses for employees	31.565.452.795	28.646.565.614
Materials, tools	7.876.724.229	10.623.213.295
Depreciation/(amortization) of fixed assets	4.525.468.782	4.331.412.406
Expenses for external services	127.397.960.259	120.896.356.177
Other expenses	34.782.287.348	66.092.487.257
Total	206.147.893.413	230.590.034.749

7. General and administration expenses

	Current year	Previous year
Staff costs	60.146.972.632	58.413.578.811
Materials and office supplies	18.867.248.777	17.329.191.797
Depreciation/(amortization) of fixed assets	9.391.860.237	8.085.119.350
Taxes, fees and legal fees	8.064.526.355	4.545.588.970
Expenses for external services	20.586.153.154	14.540.101.493
Other expenses	46.194.562.775	35.319.555.324
Total	163.251.323.930	138.233.135.745

8. Other income

	Current year	Previous year
Proceeds from liquidation and disposal of fixed assets	203.789.564	-
Other income	586.270.996	926.751.372
Total	790.060.560	926.751.372

9. Other expenses

	Current year	Previous year
Loss from liquidation and disposal of fixed assets	-	160.423.415
Expenses for liquidation of fixed assets	44.200.640	-
Tax payments	36.178.378	8.463.087.699
Other expenses	184.356.409	14.864.531
Total	264.735.427	8.638.375.645

10. Earnings per share**10a. Basic/diluted earnings per share**

	Current year	Previous year
Accounting profit after corporate income tax	201.513.867.351	190.041.104.444
Appropriation for bonus and welfare funds	(20.151.386.735)	(16.922.384.683)
Appropriation for bonus for the Board of Management, Executive Board	(363.000.000)	(363.000.000)
Profit used to calculate basic/diluted earnings per share	180.999.480.616	172.755.719.761
The weighted average number of ordinary shares outstanding during the year	64.800.000	64.800.000
Basic/diluted earnings per share	2.793	2.666

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**10b. Other information**

On 30 July 2024, the Company increased its charter capital from investment and development fund. The basic earnings per share of the previous year were adjusted due to effects of this event. Additionally, the basic earnings per share of the previous year were recalculated due to the adjustment of bonus and welfare funds when determining the profit for calculating basic earnings per share in accordance with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance. Such adjustments caused a decrease in the basic earnings per share of the previous year from VND 5.268 down to VND 2.666.

There are no other transactions over the common share or potential common share from the balance sheet date until the date of these Combined Financial Statements.

11. Operating costs by factors

	Current year	Previous year
Materials and supplies	1.937.866.653.795	1.872.177.277.722
Labor costs	255.557.091.083	245.731.180.462
Depreciation/(amortization) of fixed assets	58.048.623.757	56.897.274.503
Expenses for external services	157.798.427.412	145.825.333.089
Other expenses	104.745.309.078	121.944.009.513
Total	2.514.016.105.125	2.442.575.075.289

VII. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED CASH FLOW STATEMENT

As of the balance sheet date, the balances in relation to acquisition of fixed assets are as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Payables for acquisition of fixed assets	350.022.600	11.866.174.428
Prepayments for acquisition of fixed assets	1.759.947.778	696.000.000

VIII. OTHER DISCLOSURES**1. Transactions and balances with related parties**

The Company's related parties include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Management and the Executive Board (the Board of Directors, the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions with the key managers and their related individuals

The Company has no sales of goods and service provisions to the key managers and their related individuals. The Company only advanced an amount of VND 100.000.000 to the Board Member.

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals

The Company has no receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)*Remuneration of the key managers*

Full name	Position	Current year	Previous year
The Board of Management and the Executive Board			
Mr. Pham Quoc Dai	Chairman	440.555.555	84.000.000
Mr. Cao Thanh Tin	Member cum General Director	1.190.763.998	1.652.273.667
Mr. Bui Cong Than	Member cum Deputy General Director	1.040.952.002	1.629.977.901
Mr. Le Dinh Vy	Member cum Deputy General Director	1.041.952.002	1.596.488.400
Mr. Ha Phuoc Du (appointed on 28 April 2022)	Member	1.854.462.000	1.394.862.451
The Supervisory Board			
Ms. Truong Thi Tram	Head of the Board	982.863.192	660.270.032
Ms. Nguyen Thi Thuy Van	Member	986.519.164	494.608.057
Ms. Pham Thi Huyen	Member	201.444.444	24.000.000
The Executive Board			
Ms. Pham Thi Kim Hong	Chief Accountant	936.643.787	1.409.199.823
Mr. Dao Chau Minh Khang	Internal Audit Manager	902.985.334	-
Total		9.579.141.478	8.945.680.331

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Company include:

Other related parties	Relationship
Vinachem	Parent company
South Chemicals Import-Export Joint Stock Company	Group company
South Basic Chemicals Joint Stock Company	Group company
Vietnam Chemicals Import and Export Joint Stock Company	Group company
Viet Tri Chemical Joint Stock Company	Group company
Can Tho Fertilizer and Chemical Joint Stock Company	Group company
Vietnam Apatite Limited Company (Vinaapaco)	Group company
Chemical Industry Engineering Joint Stock Company	Group company
Dry Cell and Storage Battery Joint stock Company	Group company
The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	Group company
Vietnam Pesticide Joint Stock Company	Group company
The Southern Fertilizer Joint Stock Company	Group company
Sao Vang Rubber Joint Stock Company	Group company
Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company	Group company
Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company	Group company
Lam Thao Fertilizers and Chemicals Joint Stock Company	Group company
Xalivico Limited Liability Company	Associate
Vingroup Joint Stock Company	Related to associate

Transactions with other related parties

Apart from sales of goods and service provisions to other related parties presented in Note No. VI.1b, the Company also has other following transactions with other related parties:

	Current year	Previous year
Vinachem		
Dividend distribution	66.096.000.000	57.834.000.000
South Chemicals Import-Export Joint Stock Company		
Purchases of materials	42.734.023.200	37.561.269.000

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>South Basic Chemicals Joint Stock Company</i>		
Purchases of materials	25.149.365.000	30.818.726.000
<i>Vietnam Chemicals Import and Export Joint Stock Company</i>		
Purchases of materials	1.287.784.000	828.374.000
<i>Viet Tri Chemical Joint Stock Company</i>		
Purchases of materials	1.140.171.200	913.004.000
<i>Hanoi Soap Joint Stock Company</i>		
Purchases of supplies	1.769.206.500	1.314.056.664
<i>Vingroup Joint Stock Company</i>		
Loan interest	3.860.547.942	3.849.999.997

The prices of merchandise, services supplied to other related parties are mutually agreed prices. The purchases of merchandise and services from other related parties are done at the agreed prices.

Receivables from and payables to other related parties

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes No. V.2, V.12, V.17 and V.18.

2. Segment information

The Company's segment information is presented according to business segments and geographical segments. The primary reporting format is the geographical segments based on the internal organization and management structure as well as the system of Internal Financial Reporting of the Company.

2a. Geographical segments

The Company's operations mainly take place in export and local segments (Cambodia, Japan, Thailand, the Philippines, etc.)

Information on financial performance, fixed assets, other non-current assets and remarkable non-cash expenses according to the geographical segment based on the locations of the Company's customers is as follows:

	<u>Export segment</u>	<u>Local segment</u>	<u>Total</u>
Current year			
Net external revenue	409.337.956.389	2.467.605.507.685	2.876.943.464.074
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	409.337.956.389	2.467.605.507.685	2.876.943.464.074
Segment business performance	87.698.012.580	528.668.537.763	616.366.550.343
Expenses not attributable to segments			(369.399.217.343)
Operating profit			246.967.333.000
Financial income			15.109.439.471
Financial expenses			(6.048.418.505)
Other income			790.060.560
Other expenses			(264.735.427)
Current income tax			(55.631.660.056)
Deferred income tax			591.848.308
Profit after tax			201.513.867.351

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

	Export segment	Local segment	Total
<i>Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets</i>			<i>58,763,444,290</i>
<i>Total depreciation/(amortization) and allocation of long-term prepayments</i>			<i>62,929,308,153</i>
Previous year			
Net external revenue	358,015,274,643	2,442,543,737,366	2,800,559,012,009
Net inter-segment revenue	-	-	-
<i>Total net revenue</i>	<i>358,015,274,643</i>	<i>2,442,543,737,366</i>	<i>2,800,559,012,009</i>
Segment business performance	78,328,731,146	534,394,382,776	612,723,113,922
Expenses not attributable to segments			(368,823,170,494)
Operating profit			243,899,943,428
Financial income			14,621,043,724
Financial expenses			(4,766,294,978)
Other income			926,751,372
Other expenses			(8,638,375,645)
Current income tax			(54,630,834,001)
Deferred income tax			(1,371,129,456)
<i>Profit after tax</i>			<i>190,041,104,444</i>

Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets *72,908,185,504*

Total depreciation/(amortization) and allocation of long-term prepayments *60,537,811,707*

Information on assets and liabilities according to geographical segment based on the customers' locations of the Company is as follows:

	Export segment	Local segment	Total
Ending balance			
Direct assets of segment	-	-	-
Allocated assets	199,748,552,201	1,138,949,385,602	1,338,697,937,803
Unallocated assets			57,770,474,945
<i>Total assets</i>			<i>1,396,468,412,748</i>
Direct liabilities of segment	-	-	-
Allocated liabilities	66,475,828,760	379,039,564,941	445,515,393,701
Unallocated liabilities			13,989,132,709
<i>Total liabilities</i>			<i>459,504,526,410</i>
Beginning balance			
Direct assets of segment	-	-	-
Allocated assets	168,872,083,803	1,079,985,946,814	1,248,858,030,617
Unallocated assets			57,178,626,637
<i>Total assets</i>			<i>1,306,036,657,254</i>
Direct liabilities of segment	-	-	-
Allocated liabilities	56,112,034,668	358,852,733,524	414,964,768,192
Unallocated liabilities			8,736,485,392
<i>Total liabilities</i>			<i>423,701,253,584</i>

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

2b. Business segments

The Company's business segments mainly include:

- Segment 01: Selling finished goods.
- Segment 02: Other activities.

Information on net external revenue according to business segment is as follows:

	Current year	Previous year
Selling finished goods	2.743.348.435.048	2.647.626.776.147
Other activities	133.595.029.026	152.932.235.862
Total	2.876.943.464.074	2.800.559.012.009

Information on arisen expenses on acquisition of fixed assets, other non-current assets and segment assets according to business segment is as follows:

	Arisen expenses on acquisition of fixed assets, other non-current assets		Segment assets	
	Current year	Previous year	Current year	Previous year
Selling finished goods	56.034.678.799	68.926.833.290	1.276.533.563.671	1.180.660.699.271
Other activities	2.728.765.491	3.981.352.214	62.164.374.132	68.197.331.346
Total	58.763.444.290	72.908.185.504	1.338.697.937.803	1.248.858.030.617

3. Financial risk management

The Company is exposed to the following financial risks: credit risk, liquidity risk and market risk. The Board of Directors is responsible for setting policies and controls to minimize financial risks as well as to monitor the implementation of such policies and controls.

3a. Credit risk

Credit risk is the risk that one contractual party will cause a loss for the Company by its failure to pay for its obligations.

The Company is exposed to credit risks mainly from trade receivables and cash in banks.

Trade receivables

In order to control the trade receivables, the Company's Board of Directors has released regulations on sales of goods with strict stipulations in details on purchase subjects, sales limits, credit limit and credit term. The Board of Directors will inspect the conformity with these regulations on sales of goods every month. Besides, the accountant follows up the receivables regularly to speed up the recovery.

Trade receivables of the Company are related to various entities operating in different fields of business and geographical areas, and therefore the credit risk exposed from trade receivables is low.

Cash in banks

The Company's term deposits and demand deposits are in local banks. The Board of Directors does not realize any material credit risk to these deposits.

The maximum credit risk level on financial assets is their carrying values (see Note No. VIII.4 regarding carrying values of financial assets).

All financial assets of the Company have not been overdue or devaluated.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**3b. Liquidity risk**

Liquidity risk is the risk that the Company will encounter difficulty in meeting obligations associated with financial liabilities.

The Company's liquidity risk mainly arises from the differences in maturity dates of financial assets and financial liabilities.

The Company controls liquidity risk by regularly following up the current payment requests as well as estimated payment requests in the futures to maintain an appropriate amount of cash as well as loans, supervising the cash flows actually arisen in comparison with estimation to minimize the effects of the changes in cash flows to the Company.

The terms of payments to non-derivative financial liabilities (excluding interest payable) are based on the undiscounted payments supposed to make according to the contracts as follows:

	1 year or less	More than 1 year to 5 years	Total
Ending balance			
Trade payables	208.700.968.604	-	208.700.968.604
Borrowings	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Other payables	58.676.575.153	8.405.538.402	67.082.113.555
Total	322.377.543.757	8.405.538.402	330.783.082.159
Beginning balance			
Trade payables	231.038.725.502	-	231.038.725.502
Borrowings	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Other payables	19.312.174.180	8.040.967.559	27.353.141.739
Total	305.350.899.682	8.040.967.559	313.391.867.241

The Board of Directors believes that the risk level associated with payments to financial liabilities is low. The Company has sufficient capacity to settle all financial obligations when they are due from its operating cash flows and from the amounts receivable from mature financial assets. The Company is able to approach capital sources and loans falling due within 12 months, which can be extended with the current creditors.

3c. Market risk

Market risk is the risk that the fair value or cash flows in the future of a financial instrument will fluctuate due to changes in market prices.

Market risks exposed to the operations of the Company include foreign currency risk, and merchandise, material price risk.

The sensitivity analyses and evaluations below are related to the Company's financial position as of 31 December 2024 and 31 December 2023 on the basis of net debt value. The changes of exchange rate, interest rate, merchandise, material price for analyses are assumed on the basis of the judgments of what can be happen in the next 1 year in the observable conditions of the current market.

Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk that the fair value or cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes in exchange rate.

The Company imports materials and purchases machinery and equipment mainly by USD, so it has been affected by changes in exchange rate.

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

The Company controls the risk relating to the fluctuations in foreign exchange rate by optimizing the payment terms of debts, forecasting foreign exchange rates, reasonably maintaining loan and debt structures between foreign currencies and VND, choosing the time of purchase and payment in foreign currencies when the foreign exchange rates are low, optimally using the available money to balance the foreign exchange risk and liquidity risk.

The Company has not used any derivative financial instruments to hedge against foreign currency risk.

The Company's net assets/(liabilities) in foreign currencies are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	USD	EUR	USD	EUR
Cash and cash equivalents	404.154,04	3.517,82	415.499,83	3.516,31
Trade receivables	634.649,91	-	784.991,90	-
Trade payables	(1.048.738,00)	-	(1.010.142,80)	-
Other payables	(306.529,66)	(3.297,93)	(294.068,43)	(3.297,93)
Net assets/(liabilities) in foreign currencies	(316.463,71)	219,89	(103.719,50)	218,38

The Board of Directors assesses that the effects of the fluctuations in exchange rate on the profit after tax and owner's equity of the Company are unremarkable.

Merchandise, material price risk

The Company is exposed to the risk related to fluctuations in merchandise, material prices. The Company manages the merchandise, material price risk by following up the market information and related situations to control the time for purchasing merchandise, materials, preparing manufacturing plan and keeping the volumes of inventories at reasonable level.

The Company has not used any derivative financial instruments to hedge against merchandise, material price risk.

3d. Collaterals

The Company has no collaterals given to or received from other entities as of 31 December 2024 and 31 December 2023.

4. Financial assets and financial liabilities*Financial assets*

	Carrying values				Fair values	
	Ending balance		Beginning balance		Ending balance	Beginning balance
	Initial costs	Provision	Initial costs	Provision		
Cash and cash equivalents	373.276.791.759	-	269.584.941.284	-	373.276.791.759	269.584.941.284
Trade receivables	203.195.441.893	-	207.122.349.568	-	203.195.441.893	207.122.349.568
Other receivables	4.469.686.173	-	4.310.642.138	-	4.469.686.173	4.310.642.138
Total	580.941.919.825	-	481.017.932.990	-	580.941.919.825	481.017.932.990

Financial liabilities

	Carrying values		Fair values	
	Beginning balance		Beginning balance	
	Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Trade payables	208.700.968.604	231.038.725.502	208.700.968.604	231.038.725.502
Borrowings	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Other payables	67.082.113.555	27.353.141.739	67.082.113.555	27.353.141.739
Total	330.783.082.159	313.391.867.241	330.783.082.159	313.391.867.241

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Method to measure fair values of financial assets and financial liabilities

Fair values of financial assets and financial liabilities of the Company are reflected at the values which the financial instruments can be converted in a current transaction among parties having adequate knowledge and expecting to involve in the transaction.

Fair values of cash and cash equivalents, trade receivables, other receivables, borrowings, trade payables and other payables are equivalent to their carrying values.

5. Subsequent events

There are no material subsequent events which are required adjustments or disclosures in the Combined Financial Statements.



Nguyen Thi Yen Phuong
Preparer



Pham Thi Kim Hong
Chief Accountant



Cao Thanh Tin
General Director

Ho Chi Minh City, 20 February 2025

LIX DETERGENT JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 03, Road No. 02, Quarter 1, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Appendix: Increase/(decrease) of taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance		Increase during the year			Ending balance	
	Payables	Receivables	Amount payable	Amount paid	Tax refunded	Payables	Receivables
VAT on local sales	590.856.608	-	46.323.682.096	(42.963.062.073)	-	3.951.476.631	-
VAT on imports	-	-	14.302.863.839	(14.302.863.839)	-	-	-
Export-import duties	-	-	75.506.813	(75.506.813)	-	-	-
Corporate income tax	21.020.021.476	-	55.631.660.056	(55.908.297.820)	-	20.743.383.712	-
Personal income tax	117.760.869	2.597.642.017	8.868.055.324	(8.935.392.296)	(937.474.383)	50.423.897	3.535.116.400
Non-agricultural land use levy	-	-	120.744.149	(120.744.149)	-	-	-
Land rental	-	916.514.798	6.190.650.817	(5.274.136.019)	-	-	-
Withholding tax	7.823.823	-	19.381.486	(25.360.624)	-	1.844.685	-
Other taxes	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-	-
Fees, legal fees and other duties	387.154.771	-	3.900.072.943	(854.164.011)	-	3.433.063.703	-
Total	22.123.617.547	3.514.156.815	135.438.617.523	(128.465.527.644)	(937.474.383)	28.180.192.628	3.535.116.400

Unit: VND

nguyen thi yen phuong

Nguyen Thi Yen Phuong
Preparer

Pham Thi Kim Hong

Pham Thi Kim Hong
Chief Accountant



Ho Chi Minh City, 20 February 2025

Cao Thanh Tin
General Director